TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Thanh tra pháp chế, BVQS

Tháng 4 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Bù trừ lương 100%	Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương		Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**118**			**67.651.495**	**3.450.769**	**10**	**4.106.002**				**626.000**	**0,37**	**1.213.810**	**77.048.076**	**4.270.500**	**800.900**	**534.100**	**770.500**	**275.000**				**500.000**	**7.151.000**	**69.897.076**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	11.446.000	22	A		15.375.275	739.846	2	880.462				328.000			17.323.583	915.700	171.700	114.500	173.200	55.000				500.000	1.930.100	15.393.483	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	10.483.000	22	A		13.069.055	464.308	2	806.385					0,30	480.000	14.819.748	838.700	157.300	104.900	148.200	55.000					1.304.100	13.515.648	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	10.483.000	26	A		13.069.055	840.000	2	806.385							14.715.440	838.700	157.300	104.900	147.200	55.000					1.303.100	13.412.340	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	10.483.000	22	A		13.069.055	497.846	2	806.385				298.000	0,07	733.810	15.405.096	838.700	157.300	104.900	154.100	55.000					1.310.000	14.095.096	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	10.483.000	26	A		13.069.055	908.769	2	806.385							14.784.209	838.700	157.300	104.900	147.800	55.000					1.303.700	13.480.509	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**92**			**35.516.700**	**379.385**	**8**	**1.778.771**	**1**	**600.000**	**72.071**				**38.346.926**	**1.850.200**	**347.100**	**231.300**	**383.400**	**220.000**					**3.032.000**	**35.314.926**	
6	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.818.000	26	A		10.147.710	127.846	2	524.462							10.800.018	545.500	102.300	68.200	108.000	55.000					879.000	9.921.018	
7	HL-00153	Đỗ Mạnh Tường	Chuyên viên	5.609.000	22	A		8.456.330	105.000	2	431.462							8.992.792	448.800	84.200	56.100	89.900	55.000					734.000	8.258.792	
8	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.609.000	22	A		8.456.330	105.000	2	431.462	1	600.000	72.071				9.664.863	448.800	84.200	56.100	96.600	55.000					740.700	8.924.163	
9	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	5.088.000	22	A		8.456.330	41.538	2	391.385							8.889.253	407.100	76.400	50.900	88.900	55.000					678.300	8.210.953	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**305**		**80.130**	**80.130.900**	**1.142.538**	**24**	**5.111.230**							**86.384.673**	**5.316.200**	**997.100**	**665.200**	**863.900**	**660.000**		**795.500**			**9.297.900**	**77.086.773**	
10	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	6.240	6.240.070	55.385	2	407.000							6.702.455	423.300	79.400	53.000	67.000	55.000					677.700	6.024.755	
11	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	5.510	5.510.062	55.385	2	407.000							5.972.447	423.300	79.400	53.000	59.700	55.000					670.400	5.302.047	
12	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	5.928	5.928.067	159.462	2	459.846							6.547.375	478.300	89.700	59.800	65.500	55.000					748.300	5.799.075	
13	HL-01011	Nguyễn Văn Lễ	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	5.772	5.772.065	172.385	2	459.846							6.404.296	478.300	89.700	59.800	64.000	55.000					746.800	5.657.496	
14	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	6.708	6.708.075		2	370.000							7.078.075	384.900	72.200	48.200	70.800	55.000					631.100	6.446.975	
15	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.046	7.046.079	55.385	2	407.000							7.508.464	423.300	79.400	53.000	75.100	55.000		366.200			1.052.000	6.456.464	
16	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	6.708	6.708.075	159.462	2	459.846							7.327.383	478.300	89.700	59.800	73.300	55.000					756.100	6.571.283	
17	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	26	A	7.358	7.358.083	55.385	2	407.000							7.820.468	423.300	79.400	53.000	78.200	55.000					688.900	7.131.568	
18	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.722	7.722.087	55.385	2	407.000							8.184.472	423.300	79.400	53.000	81.800	55.000					692.500	7.491.972	
19	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.046	7.046.079	159.462	2	459.846							7.665.387	478.300	89.700	59.800	76.700	55.000					759.500	6.905.887	
20	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội phó bảo vệ	5.978.000	26	A	7.046	7.046.079	159.462	2	459.846							7.665.387	478.300	89.700	59.800	76.700	55.000					759.500	6.905.887	
21	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.046	7.046.079	55.385	2	407.000							7.508.464	423.300	79.400	53.000	75.100	55.000		429.300			1.115.100	6.393.364	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Hà Ráng - Khe Tam**			**780**		**265.044**	**265.046.970**	**1.962.346**	**60**	**12.306.000**				**850.000**			**280.165.323**	**12.799.800**	**2.401.000**	**1.601.900**	**2.801.700**	**1.650.000**		**1.216.000**	**806.000**	**1.500.000**	**24.776.400**	**255.388.923**	
22	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.046	7.046.079	55.385	2	407.000							7.508.464	423.300	79.400	53.000	75.100	55.000					685.800	6.822.664	
23	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.978.000	26	A	9.646	9.646.108	159.462	2	459.846				179.000			10.444.416	478.300	89.700	59.800	104.400	55.000		278.000			1.065.200	9.379.216	
24	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	8.866	8.866.099		2	383.231							9.249.330	398.600	74.800	49.900	92.500	55.000					670.800	8.578.530	
25	HL-02362	Đặng Hữu Quân	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	9.594	9.594.108		2	370.000							9.964.108	384.900	72.200	48.200	99.600	55.000					659.900	9.304.208	
26	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.978.000	26	A	11.960	11.960.134	159.462	2	459.846							12.579.442	478.300	89.700	59.800	125.800	55.000					808.600	11.770.842	
27	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	9.386	9.386.105	55.385	2	407.000							9.848.490	423.300	79.400	53.000	98.500	55.000					709.200	9.139.290	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Bù trừ lương 100%	Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương		Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
28	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	Tổ trưởng cơ động	4.982.000	26	A	10.634	10.634.119		2	383.231							11.017.350	398.600	74.800	49.900	110.200	55.000					688.500	10.328.850	
29	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	9.386	9.386.105	172.385	2	459.846							10.018.336	478.300	89.700	59.800	100.200	55.000					783.000	9.235.336	
30	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	10.062	10.062.113		2	370.000							10.432.113	384.900	72.200	48.200	104.300	55.000					664.600	9.767.513	
31	HL-01792	Nguyễn Viết Ninh	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.046	7.046.079	55.385	2	407.000							7.508.464	423.300	79.400	53.000	75.100	55.000					685.800	6.822.664	
32	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.046	7.046.079	258.577	2	459.846							7.764.502	478.300	89.700	59.800	77.600	55.000					760.400	7.004.102	
33	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	9.386	9.386.105	172.385	2	459.846							10.018.336	478.300	89.700	59.800	100.200	55.000					783.000	9.235.336	
34	HL-05745	Nguyễn Việt Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	7.046	7.046.079		2	352.385							7.398.464	366.500	68.800	45.900	74.000	55.000					610.200	6.788.264	
35	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	9.386	9.386.105		2	370.000							9.756.105	384.900	72.200	48.200	97.600	55.000				500.000	1.157.900	8.598.205	
36	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	10.920	10.920.123		2	370.000							11.290.123	384.900	72.200	48.200	112.900	55.000				500.000	1.173.200	10.116.923	
37	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	7.046	7.046.079		2	383.231							7.429.310	398.600	74.800	49.900	74.300	55.000		297.000	780.000		1.729.600	5.699.710	
38	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	8.242	8.242.092		2	370.000							8.612.092	384.900	72.200	48.200	86.100	55.000					646.400	7.965.692	
39	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	7.046	7.046.079		2	383.231					149.000		7.578.310	398.600	74.800	49.900	75.800	55.000					654.100	6.924.210	
40	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.978.000	26	A	8.684	8.684.097	159.462	2	459.846					149.000		9.452.405	478.300	89.700	59.800	94.500	55.000					777.300	8.675.105	
41	HL-00524	Nguyễn Trọng Phượng	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	9.152	9.152.103	159.462	2	459.846							9.771.411	478.300	89.700	59.800	97.700	55.000					780.500	8.990.911	
42	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.294	8.294.093	55.385	2	407.000							8.756.478	423.300	79.400	53.000	87.600	55.000					698.300	8.058.178	
43	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	10.504	10.504.118	55.385	2	407.000							10.966.503	423.300	79.400	53.000	109.700	55.000		261.000		500.000	1.481.400	9.485.103	
44	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	10.088	10.088.113		2	370.000							10.458.113	384.900	72.200	48.200	104.600	55.000					664.900	9.793.213	
45	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.046	7.046.079	55.385	2	407.000							7.508.464	423.300	79.400	53.000	75.100	55.000			26.000		711.800	6.796.664	
46	HL-00325	Vũ Văn Khả	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	10.114	10.114.113	172.385	2	459.846							10.746.344	478.300	89.700	59.800	107.500	55.000					790.300	9.956.044	
47	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.320	8.320.093	55.385	2	407.000							8.782.478	423.300	79.400	53.000	87.800	55.000					698.500	8.083.978	
48	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	26	A	11.102	11.102.125	50.308	2	475.692					224.000		11.852.125	494.800	92.800	61.900	118.500	55.000					823.000	11.029.125	
49	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.812	6.812.076	55.385	2	407.000							7.274.461	423.300	79.400	53.000	72.700	55.000					683.400	6.591.061	
50	HL-02804	Lê Khắc Đạo	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	8.138	8.138.091	55.385	2	407.000							8.600.476	423.300	79.400	53.000	86.000	55.000					696.700	7.903.776	
51	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	26	A	7.046	7.046.079		2	383.231					149.000		7.578.310	398.600	74.800	49.900	75.800	55.000		380.000			1.034.100	6.544.210	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**546**		**154.700**	**154.701.740**	**1.499.077**	**42**	**8.682.615**					**179.000**		**165.062.437**	**9.031.000**	**1.694.000**	**1.130.200**	**1.650.400**	**1.155.000**					**14.660.600**	**150.401.837**	
52	HL-06960	Đoàn Tuấn Anh	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	6.942	6.942.079		2	352.385							7.294.464	366.500	68.800	45.900	72.900	55.000					609.100	6.685.364	
53	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.566	7.566.085		2	370.000							7.936.085	384.900	72.200	48.200	79.400	55.000					639.700	7.296.385	
54	HL-06523	Dương Đình Thảo	Đội trưởng cơ động	4.810.000	26	A	7.826	7.826.088		2	370.000							8.196.088	384.900	72.200	48.200	82.000	55.000					642.300	7.553.788	
55	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	4.982.000	26	A	7.358	7.358.083		2	383.231							7.741.314	398.600	74.800	49.900	77.400	55.000					655.700	7.085.614	
56	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	6.448	6.448.072		2	383.231							6.831.303	398.600	74.800	49.900	68.300	55.000					646.600	6.184.703	
57	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	8.294	8.294.093		2	370.000							8.664.093	384.900	72.200	48.200	86.600	55.000					646.900	8.017.193	
58	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.502	8.502.095	55.385	2	407.000							8.964.480	423.300	79.400	53.000	89.600	55.000					700.300	8.264.180	
59	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.358	7.358.083	172.385	2	459.846							7.990.314	478.300	89.700	59.800	79.900	55.000					762.700	7.227.614	
60	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	26	A	6.942	6.942.078	172.385	2	459.846							7.574.309	478.300	89.700	59.800	75.700	55.000					758.500	6.815.809	
61	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	6.864	6.864.077	159.462	2	459.846							7.483.385	478.300	89.700	59.800	74.800	55.000					757.600	6.725.785	
62	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.424	8.424.095	55.385	2	407.000							8.886.480	423.300	79.400	53.000	88.900	55.000					699.600	8.186.880	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Bù trừ lương 100%	Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương		Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
63	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	26	A	7.826	7.826.088	115.846	2	475.692							8.417.626	494.800	92.800	61.900	84.200	55.000					788.700	7.628.926	
64	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.358	7.358.083	172.385	2	459.846							7.990.314	478.300	89.700	59.800	79.900	55.000					762.700	7.227.614	
65	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	6.864	6.864.077	159.462	2	459.846							7.483.385	478.300	89.700	59.800	74.800	55.000					757.600	6.725.785	
66	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	7.358	7.358.083	159.462	2	459.846							7.977.391	478.300	89.700	59.800	79.800	55.000					762.600	7.214.791	
67	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.942	6.942.078	55.385	2	407.000							7.404.463	423.300	79.400	53.000	74.000	55.000					684.700	6.719.763	
68	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.864	6.864.077	55.385	2	407.000							7.326.462	423.300	79.400	53.000	73.300	55.000					684.000	6.642.462	
69	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	7.358	7.358.083	55.385	2	407.000							7.820.468	423.300	79.400	53.000	78.200	55.000					688.900	7.131.568	
70	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.291.000	26	A	7.722	7.722.087	55.385	2	407.000				179.000			8.363.472	423.300	79.400	53.000	83.600	55.000					694.300	7.669.172	
71	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	6.942	6.942.078		2	370.000							7.312.078	384.900	72.200	48.200	73.100	55.000					633.400	6.678.678	
72	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.942	6.942.078	55.385	2	407.000							7.404.463	423.300	79.400	53.000	74.000	55.000					684.700	6.719.763	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**364**		**114.998**	**114.999.290**	**831.462**	**28**	**5.722.615**				**149.000**			**121.702.370**	**5.952.300**	**1.116.500**	**745.000**	**1.217.100**	**770.000**	**972.400**	**278.000**		**900.000**	**11.951.300**	**109.751.070**	
73	HL-02099	Nguyễn Công Thành	Đội trưởng bảo vệ	5.978.000	26	A	11.128	11.128.125	159.462	2	459.846							11.747.433	478.300	89.700	59.800	117.500	55.000					800.300	10.947.133	
74	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	6.184.000	26	A	10.296	10.296.116	50.308	2	475.692				149.000			10.971.116	494.800	92.800	61.900	109.700	55.000					814.200	10.156.916	
75	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.046	7.046.079	55.385	2	407.000							7.508.464	423.300	79.400	53.000	75.100	55.000	114.400				800.200	6.708.264	
76	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.046	7.046.079		2	370.000							7.416.079	384.900	72.200	48.200	74.200	55.000	114.400				748.900	6.667.179	
77	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.072	7.072.079		2	370.000							7.442.079	384.900	72.200	48.200	74.400	55.000					634.700	6.807.379	
78	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.138	8.138.091	55.385	2	407.000							8.600.476	423.300	79.400	53.000	86.000	55.000	114.400				811.100	7.789.376	
79	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	8.788	8.788.099		2	352.385							9.140.484	366.500	68.800	45.900	91.400	55.000		278.000		500.000	1.405.600	7.734.884	
80	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.618	7.618.085		2	370.000							7.988.085	384.900	72.200	48.200	79.900	55.000					640.200	7.347.885	
81	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	4.810.000	26	A	7.046	7.046.079		2	370.000							7.416.079	384.900	72.200	48.200	74.200	55.000	114.400				748.900	6.667.179	
82	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	26	A	8.788	8.788.099	55.385	2	407.000							9.250.484	423.300	79.400	53.000	92.500	55.000				400.000	1.103.200	8.147.284	
83	HL-03113	Nguyễn Văn Nhiễu	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	9.230	9.230.104	172.385	2	459.846							9.862.335	478.300	89.700	59.800	98.600	55.000	228.800				1.010.200	8.852.135	
84	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	7.618	7.618.085	55.385	2	407.000							8.080.470	423.300	79.400	53.000	80.800	55.000	57.200				748.700	7.331.770	
85	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	7.046	7.046.079	55.385	2	407.000							7.508.464	423.300	79.400	53.000	75.100	55.000	114.400				800.200	6.708.264	
86	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiến	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	8.138	8.138.091	172.385	2	459.846							8.770.322	478.300	89.700	59.800	87.700	55.000	114.400				884.900	7.885.422	
Tổng cộng					**2.205**		**614.872**	**718.047.095**	**9.265.577**	**172**	**37.707.233**	**1**	**600.000**	**72.071**	**1.804.000**	**0,37**	**1.213.810**	**768.709.805**	**39.220.000**	**7.356.600**	**4.907.700**	**7.687.000**	**4.730.000**	**972.400**	**2.289.500**	**806.000**	**2.900.000**	**70.869.200**	**697.840.605**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 5 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng